

Số: 12/TTC-ĐĐT

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 02 năm 2026

BẢN TIN TRIỀU CƯỜNG
KHU VỰC CUỐI NGUỒN CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Hiện trạng diễn biến thủy triều trong 24 giờ qua:

Mức nước tại hầu hết các trạm trên sông Tiền trong ngày hôm qua xuống chậm, mực nước cao nhất ngày thực đo tại trạm Mỹ Thuận là 173cm cao hơn mức BĐII 3cm, Cai Lậy là 147cm thấp hơn mức BĐI: 3cm, Mỹ Tho là 179cm cao hơn BĐIII: 19cm, Hòa Bình là 164cm cao hơn mức BĐIII: 4cm, Vàm Kênh là 148cm cao hơn mức BĐI: 8cm

2. Dự báo

Khu vực vùng hạ lưu sông Tiền, mực nước tại các trạm xuống nhanh theo triều (chi tiết ở bảng phụ lục).

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Phạm vi ngập lụt: triều cường ở mức cao gây ngập lụt diện rộng những khu vực trũng, thấp, vùng ven sông, vùng ngoài đê bao,... thuộc khu vực hạ nguồn như: xã Ngũ Hiệp, xã Hiệp Đức, xã Long Tiên, xã, xã Bình Trung, phường Mỹ Tho, xã Chợ Gạo, xã Bình Ninh, xã Mỹ Tịnh An, xã Vĩnh Hựu, xã Tân Thới, xã Tân Phú Đông,...

Thời gian ngập lụt: 3h-7h và 17h-21h từ ngày 02-07/02/2026

Độ sâu ngập lụt lớn nhất(khu vực đất tự nhiên, không có đê bao): từ 0.3 – 0.5 m.

Nguy cơ xảy ra sạt lở đất ở những khu vực bị ngập.

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do triều cường: cấp độ 2.

5. Cảnh báo tác động của triều cường:

Ngập lụt, sạt lở đất ở những vùng trũng, thấp, vùng xung yếu, ven sông, ngoài đê bao, uy hiếp những vùng có đê bao thấp và yếu....gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất, vườn cây trồng, giao thông, sinh hoạt, thiệt hại tài sản và hoạt động dân sinh kinh tế -xã hội trên khu vực.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 09h00 ngày 07/02/2026

Tin phát lúc: 09h00

GIÁM ĐỐC



Khuông Lê Bình

Phụ lục

Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm.

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Yếu tố dự báo	Thực đo	Dự báo						H _{đỉnh}	Thời gian xuất hiện đỉnh
			05/02	06/02	07/02	08/02	09/02	10/02			
Tiền	Mỹ Thuận	H	173	166	160	156	151	148			
		So sánh	>BĐ2 3	<BĐ2 4	=BĐ1	<BĐ1 4	<BĐ1 9	<BĐ1 12			
Ba Rài	Cai Lậy	H	147	142	137	132	127	121			
		So sánh	<BĐ1 3	<BĐ1 7	<BĐ1 13	<BĐ1 18	<BĐ1 23	<BĐ1 29			
Tiền	Mỹ Tho	H	179	155	147	142	137	132			
		So sánh	>BĐ3 19	<BĐ3 5	<BĐ2 3	<BĐ2 8	<BĐ1 3	<BĐ1 8			
Cửa Tiêu	Hoà Bình	H	164	141	135	128	121	115			
		So sánh	>BĐ3 4	>BĐ1 1	<BĐ1 5	<BĐ1 12	<BĐ1 19	<BĐ1 25			
Cửa Tiểu	Vàm Kênh	H	148	125	118	112	105	98			
		So sánh	>BĐ1 8	<BĐ1 15	<BĐ1 22	<BĐ1 28	<BĐ1 35	<BĐ1 42			